**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC**

**MÔN LỊCH SỬ, CẤP THPT**

*(Kèm theo Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**1. Mục đích**

Điều chỉnh nội dung dạy học để dạy học phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông (CT), phù hợp với thời lượng dạy học và điều kiện thực tế các nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục.

**2. Nguyên tắc**

Điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng tinh giảm các nội dung để giáo viên, học sinh (GV, HS) dành thời gian cho các nội dung khác, tạo thêm điều kiện cho GV đổi mới phương pháp dạy học theo yêu cầu của CT. Việc điều chỉnh nội dung dạy học thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

(1) Đảm bảo mục tiêu giáo dục của chương trình, sách giáo khoa (SGK) theo qui định của Luật Giáo dục.

(2) Đảm bảo tính lôgic của mạch kiến thức và tính thống nhất giữa các bộ môn; không thay đổi CT, SGK hiện hành.

(3) Không thay đổi thời lượng dạy học đối với mỗi môn học trong một lớp và trong mỗi cấp học.

(4) Thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện tại các cơ sở giáo dục.

**3. Nội dung điều chỉnh**

Việc điều chỉnh nội dung dạy học tập trung vào những nhóm nội dung chính sau:

(1) Những nội dung trùng lặp trong CT, SGK của nhiều môn học khác nhau.

(2) Những nội dung trùng lặp, có cả ở CT, SGK của lớp dưới và lớp trên do hạn chế của cách xây dựng CT, SGK theo quan điểm đồng tâm.

(3) Những nội dung, bài tập, câu hỏi trong SGK không thuộc nội dung của CT hoặc yêu cầu vận dụng kiến thức quá sâu, không phù hợp trình độ nhận thức và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

(4) Những nội dung trong SGK trước đây sắp xếp chưa hợp lý.

(5) Những nội dung mang đặc điểm địa phương, không phù hợp với các vùng miền khác nhau.

**4. Thời gian thực hiện**

Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học được áp dụng từ năm học 2011 - 2012.

**5. Hướng dẫn thực hiện các nội dung**

- Hướng dẫn này dựa trên SGK của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ấn hành năm 2011, là SGK của chương trình chuẩn đối với cấp THPT. Nếu GV và HS sử dụng SGK của các năm khác thì cần đối chiếu với SGK năm 2011 để điều chỉnh, áp dụng cho phù hợp. Toàn bộ văn bản này được nhà trường in sao và gửi cho tất cả GV bộ môn.

- Ngoài các nội dung đã hướng dẫn cụ thể trong văn bản, cần lưu ý thêm một số vấn đề đối với các nội dung được hướng dẫn là “không dạy” hoặc “đọc thêm”, những câu hỏi và bài tập không yêu cầu HS làm trong cột Hướng dẫn thực hiện ở các bảng dưới đây như sau:

+ Dành thời lượng của các nội dung này cho các nội dung khác hoặc sử dụng để luyện tập, củng cố, hướng dẫn thực hành cho HS.

+ Không ra bài tập và không kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS vào những nội dung này, tuy nhiên, GV và HS vẫn có thể tham khảo các nội dung đó để có thêm sự hiểu biết cho bản thân.

- Trên cơ sở khung phân phối chương trình của môn học, GV điều chỉnh phân phối chương trình chi tiết đảm bảo cân đối giữa nội dung và thời gian thực hiện, phù hợp với điều chỉnh nội dung dạy học dưới đây.

**5.1. Lớp 10**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Trang** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | Bài 6. Các quốc gia Ấn và văn hoá truyền thống Ấn Độ | 37 | Mục 1. Thời kì các quốc gia đầu tiên | Không dạy |
| 2 | Bài 7. Sự phát triển lịch sử và nền văn hoá đa dạng của Ấn Độ | 41 | Mục 1. Sự phát triển lịch sử và văn hóa truyền thống trên toàn lãnh thổ Ấn Độ. | Không dạy |
| 3 | Bài 9. Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào | 50 | Phần chữ nhỏ; tóm tắt những sự kiện chính về sự hình thành và phát triển của 2 vương quốc. | Không dạy |
| 4 | Bài 11. Tây Âu thời trung đại | 60 | Mục 2. Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu và mục 4. Cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 5 | Bài 12. Ôn tập lịch sử thế giới nguyên thuỷ, cổ đại và trung đại | 66 | Mục 2. Xã hội cổ đại | Không dạy |
| 6 | Bài 13. Việt Nam thời nguyên thuỷ | 70 | Mục 3. Sự ra đời của thuật luỵện kim và nghề nông trồng lúa nước | Chỉ nêu mốc thời gian và địa bàn xuất hiện công cụ bằng kim loại trên phạm vi rộng ở Bắc- Trung- Nam |
| 7 | Bài 17. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV) | 87 | - Mục I. 1. Tổ chức bộ máy nhà nước  - Các câu hỏi 1, 2,3 ở cuối bài. | - Chỉ giới thiệu khái quát nhưng tập trung vào tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông  - Không yêu cầu HS trả lời. |
| 8 | Bài 18. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong các thế kỉ X-XV | 91 | Mục 4. Tình hình phân hóa xã hội và các cuộc đấu tranh của nông dân. | Không dạy |
| 9 | Bài 20. Xây dựng và phát triển văn hoá trong các thế kỉ X-XV | 101 | Câu hỏi cuối phần mục 3. Nghệ thuật: Quan sát các hình 39, 40, 41, hãy phân tích nét độc đáo của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam. | Không yêu cầu HS trả lời. |
| 10 | Bài 21. Những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI-XVIII | 106 | - Mục 3. Nhà nước phong kiến ở Đàng Ngoài;  - Mục 4. Nhà nước phong kiến ở Đàng Trong | Không dạy |
| 11 | Bài 25. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá dưới triều Nguyễn *(nửa đầu thế kỉ XIX)* | 125 | Mục 2. Tình hình kinh tế và chính sách của nhà Nguyễn | Chỉ giới thiệu khái quát một số chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế |
| 12 | Bài 29. Cách mạng Hà Lan và cách mạng tư sản Anh | 142 | Mục I. Cách mạng Hà Lan | Đọc thêm. |
| 13 | Bài 30. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ | 146 | Mục 2. Diễn biến chiến tranh và sự thành lập Hợp chúng quốc Mĩ | Hướng dẫn HS lập niên biểu những sự kiện chính |
| 14 | Bài 31. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | 151 | Mục II. Tiến trình cách mạng | Hướng dẫn HS lập niên biểu tiến trình cách mạng, nhấn mạnh sự kiện 14/7, "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền", nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh. |
| 15 | Bài 32. Cách mạng công nghiệp ở châu Âu | 159 | Mục II. Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 16 | Bài 33. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ giữa thế kỉ XIX | 163 | Mục 2. Cuộc đấu tranh thống nhất I -ta-li-a | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 17 | Bài 34. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa | 170 | Mục 2. Sự hình thành các tổ chức độc quyền | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 18 | Bài 35. Các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mĩ và sự bành trướng thuộc địa | 174 | Nội dung kiến thức về tình hình chính trị và chính sách đối ngoại của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ | Đọc thêm |
| 19 | Bài 36. Sự hình thành và phát triển của phong trào công nhân | 183 | Mục I. Sự ra đời và tình cảnh của giai cấp vô sản công nghiệp. Những cuộc đấu tranh đầu tiên | Không dạy |
| 20 | Bài 37. Mác và Ăng-ghen. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học | 188 | Mục 1. Buổi đầu hoạt động cách mạng của C.Mác và Ph.Ăng-ghen | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 21 | Bài 38. Quốc tế thứ nhất và Công xã Pa-ri 1871 | 192 | Mục I. Quốc tế thứ nhất | Chỉ giới thiệu một vài nét về Quốc tế thứ nhất |
| 22 | Bài 39. Quốc tế thứ hai | 197 | Mục II. Quốc tế thứ hai | Đọc thêm. |

**5. 2. Lớp 11**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Trang** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| **1** | Bài 1. Nhật Bản | 4 | Mục 1. Nhật Bản từ đầu thế kỷ XIX đến trước năm 1868 | Chỉ giới thiệu những nét chính về tình hình Nhật Bản. |
| 2 | Bài 2. Ấn Độ | 8 | Mục 2. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay | Không dạy |
| 3 | Bài 3. Trung Quốc | 12 | Mục 1. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược | Đọc thêm |
| 4 | Bài 4. Các nước Đông Nam Á (cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) | 17 | - Mục 2. Phong trào chống thực dân Hà Lan của nhân dân In-đô-nê-xi-a  - Mục 3. Phong trào chống thực dân ở Phi-lip-pin | Không dạy |
| 5 | Bài 7. Những thành tựu văn hoá thời Cận đại | 37 | Mục 3. Trào lưu tư tưởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của CNXH khoa học từ gữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 6 | Bài 9. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 - 1921) | 48 | Mục II. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 7 | Bài 11. Tình hình các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | 59 | - Mục 2. Cao trào cách mạng 1928-1923 ở các nước tư bản. Quốc tế cộng sản  - Mục 4. Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh | Không dạy |
| 8 | Bài 12. Nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | 64 | Mục I. Nước Đức trong những năm 1918-1929 | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 9 | Bài 13. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | 69 | Mục I. Nước Mĩ trong những năm 1918-1929 | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 10 | Bài 14. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 -1939) | 74 | Mục I. Nhật Bản trong những năm 1918-1929 | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 11 | Bài 15. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ (1918 - 1939) | 79 | - Mục I. 2. Chiến tranh Bắc phạt (1926-1927) và nội chiến Quốc - Cộng  - Mục II. 2. Phong trào độc lập dân tộc trong những năm 1929 – 1939 | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 12 | Bài 16. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | 83 | - Mục I.1. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội  - Mục II. Phong trào độc lập dân tộc ở In đô nê xi a  - Mục IV. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh ở Mã Lai và Miến Điện  - Mục V. Cuộc cách mạng năm 1932 ở Xiêm | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 13 | Bài 17. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) | 90 | - Mục II. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và lan rộng ở châu Âu (từ tháng 9-1939 đến tháng 6-1941)  - Mục III.Chiến tranh lan rộng khắp thế giới (từ tháng 6-1941 đến tháng 11-1942)  - Mục IV. Quân đồng minh chuyển sang phản công, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc (từ tháng 11-1942 đến tháng 8-1945) | GV hướng dẫn HS tóm tắt nét chính diễn biến chiến tranh, không cần sa vào chi tiết. |
| 14 | 19. Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược | 106 | - Mục I.2. Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược Việt Nam.  - Câu hỏi : Nêu nội dung cơ bản của hiệp ước Nhâm Tuất ở mục II.2.Kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền Đông Nam Kì. Hiệp ước 5- 6- 1862  - Câu hỏi : Em có suy nghĩ gì về hành động của Trương Định sau Hiệp ước 1862 ? | - Đọc thêm  - Không yêu cầu HS trả lời  - Không yêu cầu HS trả lời |
| **15** | 20. Chiến sự lan rộng ra cả nước. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ năm 1873 đến năm 1884. Nhà Nguyễn đầu hàng | 115 | - Mục I.1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh Bắc Kì lần thứ nhất.  - Mục III.1. Quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An  - Câu hỏi: Nêu nội dung cơ bản của Hiệp ước 1883. | - Không dạy  - Đọc thêm  - Không yêu cầu HS trả lời |
| **16** | 21. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX | 124 | Mục II.2. Khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887. | Không dạy |
| **17** | 23.Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914) | 140 | Mục. 3. Đông kinh nghĩa thục. Vụ đầu độc binh sĩ Pháp ở Hà Nội và những hoạt động cuối cùng của nghĩa quân Yên Thế. | Đọc thêm |
| **18** | 24.Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) | 146 | Mục II. Phong trào đấu tranh vũ trang trong chiến tranh . | Mỗi địa phương lựa chọn 2 trong 5 phong trào đấu tranh vũ trang trong Chiến tranh I. |

**5. 3. Lớp 12**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Trang** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai từ năm (1945 -1949) | 4 | Mục III.Sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập | Không dạy |
| 2 | Bài 2. Liên Xô và các n­ước Đông Âu (1945-1991) Liên Bang Nga (1991-2000) (Tiếp) | 10 | - Môc I. 2. Các nước Đông Âu  **-** Mục. I . 3 . Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu  - Mục II.1. Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô  - Mục II. 2.Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 3 | Bài 3. Các n­ước Đông Bắc Á | 19 | - Mục I. Sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959)  - Mục II.2. Trung Quốc những năm không ổn định (1959 -1978) | - Không dạy thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959), chỉ cần nắm được Sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.  -Không dạy |
| 4 | Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ | 25 | Mục 2.b. Nhóm các nước Đông Dương; 2.c. Các nước khác ở Đông Nam Á | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 5 | Bài 5. Các nước Châu phi và Mĩ Latinh | 35 | -Mục I.2. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội.  - Mục II.2. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội | Không dạy |
| 6 | Bài 6. N­ước Mĩ | 42 | Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn. | Không dạy |
| 7 | Bài 7 . Tây Âu | 46 | Nội dung chính trị các giai đoạn | Không dạy |
| 8 | Bài 8. Nhật Bản | 52 | Nội dung chính trị các giai đoạn | Không dạy |
| 9 | Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kỳ Chiến tranh lạnh | 58 | Mục II. Sự đối đầu Đông -Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ | Không dạy |
| 10 | Bài 10. Cách mạng khoa học - Công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX | 66 | Mục 2. Những thành tựu tiêu biểu | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 11 | 12. Phong trào dân tộc dân chủ 1919 – 1925 | 76 | Mục I.2 Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp.  Mục II.1. Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài | Hướng dẫn HS đọc thêm. |
| 12 | 13. Phong trào dân tộc dân chủ 1925 – 1930 | 83 | Mục I.2. Tân Việt cách mạng Đảng | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 13 | 14. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 | 90 | Mục III. Phong trào cách mạng trong những năm 1932 – 1935 | Không dạy |
| 14 | 15. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 | 98 | Mục II.2. phần b. Đấu tranh nghị trường; c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí không dạy | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 15 | 16. Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 - 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời | 102 | Mục II.2. Những cuộc đấu tranh ở đầu thời kì mới | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 16 | 18. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950) | 130 | - Mục II.2.Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài  - Mục III.2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn diện | Đọc thêm |
| 17 | 19. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953) | 139 | Mục IV. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên chiến trường | Không dạy |
| 18 | 20. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954) | 145 | Mục III.1 Hội nghị Giơ ne vơ. | Không dạy hoàn cảnh, diễn biến của hội nghị, chỉ cần nắm được nội dung, ý nghĩa, hạn chế của Hiệp định Giơ ne vơ |
| 19 | 21. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965) | 157 | - Mục II.1.b. Khôi phục kinh tế hàn gắn vết thương chiến tranh.  - Mục II.2.Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội (1958 - 1960)  - Mục III.1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954- 1959) | Hướng dẫn học sinh đọc thêm |
| 20 | 22. Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973). | 173 | - Mục I.3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968  - Mục II.2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất vừa làm nghĩa vụ hậu phương  - Mục IV.1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội  - Mục V. Hiệp định Pa ri năm 1973 về chấp dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam | - Không dạy bối cảnh lịch sử, diễn biến, chỉ cần nắm ý nghĩa cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.  - Chỉ cần cho HS nắm được vai trò hậu phương của miền Bắc.  - Không dạy  - Không dạy hoàn cảnh, diễn biến của hội nghị Pa ri, chỉ cần cho HS nắm được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari. |
| 21 | 23. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền ở Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975) | 188 | - Mục I. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.  - Mục II. Miền Nam đấu tranh chống địch bình định – lấn chiếm, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn. | - Không dạy  - Chỉ cần nắm được 2 sự kiện Hội nghị 21 Ban chấp hành Trung ương và Chiến thắng Phước Long. |
| 22 | 24. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975. | 199 | Mục II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước. | Không dạy |
| 23 | 25. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986). | 203 | Cả bài | Không dạy |
| 24 | 26. Đất nước trên đường đổi mới đi lên CNXH (1986-2000) | 208 | Mục II. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) | Chỉ cần nắm được thành tựu và hạn chế của kế hoạch 5 năm 1986 – 1990; các kế hoạch khác hướng dẫn HS đọc thêm. |

**6. Hướng dẫn khung phân phối chương trình**

Các trường chủ động phân phối thời lượng cho từng bài, từng chương sao cho phù hợp với khung phân phối chương trình dưới đây.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp 10  Cả năm: 37 tuần (52 tiết)  Học kì I: 19 tuần (18 tiết)  Học kì II: 18 tuần (34 tiết)  Kiểm tra 1 tiết : 2 bài (mỗi học kì 1 bài)  Kiểm tra học kì : 2 bài (mỗi học kì 1 bài)  Kết thúc học kì I học hết bài : Bài 12. Ôn tập lịch sử thế giới nguyên thuỷ, cổ đại và trung đại  Kết thúc năm học học hết chương trình, SGK. | **Lớp 11**  Cả năm: 37 tuần (35 tiết)  Học kì I: 19 tuần (18 tiết)  Học kì II: 18 tuần (17 tiết)  Kiểm tra 1 tiết : 2 bài (mỗi học kì 1 bài)  Kiểm tra học kì : 2 bài (mỗi học kì 1 bài)  Kết thúc học kì I học hết bài: Bài 14. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)  Kết thúc năm học học hết chương trình, SGK. | **Lớp 12**  Cả năm: 37 tuần (52 tiết)  Học kì 1: 19 tuần (35 tiết)  Học kì 2: 18 tuần (17 tiết)  Kiểm tra 1 tiết : 2 bài (mỗi học kì 1 bài)  Kiểm tra học kì : 2 bài (mỗi học kì 1 bài)  Kết thúc học kì I học hết bài : Bài 20. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954).  Kết thúc năm học học hết chương trình, SGK. |